

Sự xuất hiện chữ Nôm và vai trò của chữ Nôm

Tiến sĩ Nguyễn Thị Lâm
Viện nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

TÓM TẮT

1. Sự xuất hiện chữ Nôm

Chữ viết ra đời là một bước ngoặt trên con đường phát triển văn hoá của mỗi dân tộc. Tổ tiên ta, với truyền thống bất khuất và trí thông minh của mình đã xây dựng được một hệ thống văn tự trên cơ sở các chữ vuông Hán để ghi âm tiếng nói dân tộc. Đó là chữ Nôm. Đây là thứ chữ được xây dựng trên cơ sở các chữ vuông Hán đọc theo cách đọc Hán Việt mà cách đọc này lại bắt nguồn từ tiếng Hán khoảng cuối đời Đường. Vậy chữ Nôm cũng không thể ra đời sớm hơn thời điểm đó được. Trên cơ sở ổn định của hệ thống âm Hán Việt và những yêu cầu mới của xã hội thời kỳ tự chủ mà chữ Nôm đã xuất hiện. Khi mới bắt đầu xuất hiện, chữ Nôm chưa thành một hệ thống đầy đủ mà phải trải qua một quá trình phát triển, sáng tạo dần dần. Theo các tài liệu hiện biết thì vào khoảng cuối thời Lý, hệ thống chữ Nôm mới tạm hoàn chỉnh.

2. Vai trò của chữ Nôm

- Thứ nhất, chữ Nôm ra đời nhằm thoả mãn các nhu cầu ghi chép ngày càng đa dạng và phức tạp mà nhiều khi chữ Hán chưa thể đảm nhiệm một cách triệt để. Cùng với chữ Hán, nó thường xuyên được dùng để ghi chép các loại sổ sách, văn tự, khế ước, hương ước, gia phả, thân phả... Có khi còn được dùng cả trong lĩnh vực hành chính như dưới triều đại nhà Hồ và nhà Tây Sơn.

- Thứ hai, chữ Nôm được dùng để phiên dịch, giải nghĩa và diễn ca kinh truyện. Ví dụ như *Truyện kỳ mạn lục* (thế kỷ XVI) của Nguyễn Dữ đã được Nguyễn Thế Nghi đời Mạc dịch ra văn Nôm. Một số sách kinh điển của Phật giáo, Nho giáo cũng được chuyển dịch sang chữ Nôm như *Cổ Châu phật bản hạnh ngữ lục* (thế kỷ XVI), *Thi kinh giải âm* (thế kỷ XVIII), *Luận ngữ thích nghĩa ca*, *Tự học giải nghĩa ca* của vua Tự Đức...

- Thứ ba, chữ Nôm được dùng để sưu tập và chỉnh lý văn học dân gian. Có thể kể đến những bộ sưu tập văn học dân gian được thực hiện bằng chữ Nôm như: *Lý hạng ca dao*, *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục*, *Nam ca tân truyện*, *Quốc âm ca dao tập*, *Quốc phong thi tập hợp thái*...

- Thứ tư, vai trò chủ yếu của chữ Nôm được thể hiện trong sáng tác văn học. Những tập thơ Nôm có niên đại sớm nhất còn lại là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380-1442), *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông và các tác gia thời Hồng Đức (1470-1497), *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585). Về truyện thơ lục bát có *Song Tinh Bát Dạ* của Nguyễn Hữu Hào (?-1713) và hàng loạt

truyện thơ Nôm khuyết danh khác. Những tập diễn ca lịch sử lớn còn truyền lại đến nay là *Việt sử diễn âm* (thế kỷ XVI), *Thiên Nam minh giám* (thế kỷ XVII), *Thiên Nam ngữ lục* (nửa cuối thế kỷ XVII), *Đại Nam quốc sử diễn ca* (thế kỷ XIX). Về ngâm khúc đáng chú ý là *Chinh phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm (có người cho rằng của Phan Huy Ích) và *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều. Các thể loại khác như ca trù, văn tế, phú cũng khá phát triển. Có thể nói thành tựu của văn học Nôm trước hết là thành tựu của văn vần, trong đó nổi bật nhất là thơ ca trường thiên viết bằng các thể lục bát và song thất lục bát. Chính với hai thể thơ này mà văn học Việt Nam đã đạt tới những đỉnh cao mà thế giới biết đến như như *Chinh phụ ngâm* và nhất là *Đoạn trường tân thanh* của thi hào Nguyễn Du (1766-1820).

Sự ra đời của chữ Nôm quả đã có những đóng góp tích cực vào việc nâng cao địa vị của tiếng Việt, thúc đẩy sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam thời trung đại. Đặc biệt, nó có một tác dụng rất lớn đối với việc sáng tác và truyền bá những tác phẩm bằng ngôn ngữ dân tộc. Chữ Nôm và văn học viết bằng chữ Nôm thật xứng đáng là tài sản vô giá trong kho tàng văn hiến cổ điển của nước nhà.

Sự xuất hiện chữ Nôm và vai trò của chữ Nôm

Tiến sĩ Nguyễn Thị Lâm
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

1. Sự xuất hiện chữ Nôm

Chữ viết ra đời là một bước ngoặt trên con đường phát triển văn hoá của mỗi dân tộc. Tổ tiên ta, với truyền thống bất khuất và trí thông minh của mình đã xây dựng được một hệ thống văn tự trên cơ sở các chữ vuông Hán để ghi âm tiếng nói dân tộc. Đó là chữ Nôm. Trải qua hàng chục thế kỷ, chữ Nôm không chỉ có vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền văn hoá dân tộc, đó còn là nền văn tự xưa nhất của người Việt còn truyền lại đến ngày nay. Vậy chữ Nôm đã được hình thành bằng con đường nào? Theo GS Nguyễn Tài Cẩn thì ít có những nền văn tự dân tộc hình thành bằng con đường “tự nó”, nghĩa là tự sáng chế riêng cho mình một lối viết độc lập, không liên quan gì đến các truyền thống văn tự khác. Ông chỉ ra rằng trên thế giới chỉ có ba trường hợp là văn tự chắc chắn được tạo ra theo con đường ấy. Đó là văn tự cổ Ai Cập ở lưu vực sông Nin, văn tự Mai A ở Trung Mỹ và văn tự Hán ở lưu vực sông Hoàng Hà, miền bắc Trung Quốc. Con đường thứ hai là vay mượn, đây là con đường phổ biến bởi tuyệt đại đa số các nền văn tự hiện có trên thế giới đều xuất hiện thông qua con đường này, “như các chữ Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ba Lan, Tiệp Khắc đều xuất thân từ chữ La Tinh. Chữ Nga, Bun Ga ri, Mông Cổ hiện nay đều xuất thân từ chữ Bi Đan Ti mà chữ Bi Đan Ti cũng như chữ La Tinh lại đều cùng bắt nguồn từ chữ Hy Lạp cổ”⁽¹⁾. Trong bối cảnh chung đó, chữ Nôm của Việt Nam chắc chắn đã nảy sinh theo con đường thứ hai. Căn cứ vào cấu trúc nội tại của loại chữ này, các nhà nghiên cứu đều khẳng định đây là một thứ chữ được xây dựng trên cơ sở các chữ vuông Hán đọc theo cách đọc Hán Việt. Do tiếng Việt và tiếng Hán có đặc điểm chung: cùng loại hình đơn lập, âm tiết tính và có thanh điệu đã gọi cho người Việt có ý đồ sử dụng chữ Hán để ghi tiếng nói dân tộc. Như vậy, ở Việt Nam, chữ Nôm là một sản phẩm tất yếu của sự tiếp xúc với nền văn hoá Hán. Cho đến nay, mặc dù đã có nhiều ý kiến bàn về nguồn gốc của chữ Nôm⁽²⁾, song những thành tựu nghiên cứu về sự hình thành của hệ thống âm Hán Việt đã có một ý nghĩa rất lớn trong việc xác định thời kỳ xuất hiện của hệ thống văn tự này. Các nhà Hán ngữ học như H. Maspero, Vương Lực và Nguyễn Tài Cẩn đều đã xác minh cách đọc âm Hán Việt bắt nguồn từ tiếng Hán khoảng cuối đời Đường. Chữ Nôm là thứ chữ được xây dựng trên cơ sở các chữ vuông Hán đọc theo cách đọc Hán Việt, vậy nó không thể ra đời trước thời điểm đó được. Nói về vai trò của âm Hán Việt trong chữ Nôm, ông Đào Duy Anh cũng nhận xét: “Nghiên cứu cách viết và cách đọc chữ Nôm, chúng ta thấy chữ ấy căn bản là được cấu tạo trên cơ sở chữ Hán đọc theo âm Hán Việt”⁽³⁾. Theo các nhà nghiên cứu thì âm Hán Việt chỉ có thể tương đối ổn định sau khi chữ Hán đã được chuyển vào phạm trù từ ngữ, tức sau khi nước Việt đã thoát khỏi ách thống trị của phong kiến Trung Quốc. Quá trình ổn định của âm Hán Việt có thể bắt đầu từ khi họ Khúc đẩy nghiệp (905) trải qua các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê và có thể đến đầu thời Lý. Nước Việt Nam từ khi bước vào thời kỳ tự chủ đã bắt đầu phát triển về mọi mặt. Sự nghiệp phục hưng dân tộc sau hàng ngàn năm Bắc thuộc đã diễn ra ở hầu hết mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá... cũng như muôn mặt của cuộc sống mà chỉ dùng chữ Hán thì không đủ. Chữ Nôm ra đời là để đáp ứng

nhu cầu có tính tất yếu lịch sử ấy. Như vậy là trên cơ sở ổn định của hệ thống âm Hán Việt và những yêu cầu mới của xã hội sau thời tự chủ mà chữ Nôm đã xuất hiện. Có thể nói, khi mới bắt đầu xuất hiện, chữ Nôm chưa thành một hệ thống đầy đủ mà phải trải qua một quá trình phát triển, sáng tạo dần dần. Các chữ Nôm hiện có trong các văn bia thời kỳ đầu mới chủ yếu là để ghi tên đất tên người. Tấm bia *Báo Ân thiên tự bi ký* được tạo năm Trị Bình Long Ứng 5 (1210) đời Lý Cao Tông dựng tại chùa Báo Ân, xã Tháp Miếu, tổng Bạch Trĩ, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc có tất cả 41 chữ Nôm. Khi phân tích các chữ Nôm đó, ông Đào Duy Anh đã nhận xét: “Đến đời Lý Cao Tông, chữ Nôm đã được cấu tạo với quy cách đầy đủ, suốt các triều đại sau quy cách ấy vẫn không hề thay đổi”⁽⁴⁾. Như vậy là cho đến cuối thời Lý, chúng ta đã thấy một hệ thống chữ Nôm hoàn chỉnh sau vài trăm năm xây dựng.

2. Vai trò của chữ Nôm

Trong khi chữ Nôm hình thành và ngày càng hoàn thiện thì chữ Hán được coi là văn tự chính thức ở Việt Nam, nó được dùng trong nhiều lĩnh vực: hành chính giáo dục, thi cử cũng như trong sáng tác văn chương. Từ những bộ chính sử nổi tiếng như *Đại Việt sử ký* thời Trần, *Đại Việt sử ký toàn thư* thời Lê, *Đại Việt sử ký tiền biên* thời Tây Sơn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thời Nguyễn... cho đến những công trình khảo cứu, những tác phẩm văn chương đủ các thể loại đều được trước tác bằng chữ Hán với khá nhiều tên tuổi sáng giá như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Thánh Tông, Lê Hữu Trác, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Chú... Riêng ở địa hạt văn học không chỉ có các tác phẩm chính luận, thơ phú mà còn có cả truyện ký và tiểu thuyết. Về truyện ký và tiểu thuyết đáng chú ý là tập *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ ở thế kỷ XVI và bộ tiểu thuyết lịch sử *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái ra đời khoảng đầu thế kỷ XIX. Về y học có những tác phẩm như *Nam dược thần hiệu* của Tuệ Tĩnh, *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* của Lê Hữu Trác... Trong tình hình như vậy chữ Nôm đã phát huy tác dụng của mình ra sao để góp phần cùng với chữ Hán xây dựng một nền văn hiến cổ điển Việt Nam?

Thứ nhất, chữ Nôm ra đời nhằm thoả mãn các nhu cầu ghi chép ngày càng đa dạng và phức tạp mà nhiều khi chữ Hán chưa thể đảm nhiệm một cách triệt để. Chữ Nôm thường xuyên được dùng xen kẽ với chữ Hán để ghi chép các loại sổ sách, văn tự, khế ước, hương ước, gia phả, thần phả... Ở những loại hình văn bản này chữ Hán chiếm vai trò chủ đạo nhưng cũng có nhiều trường hợp phải ghi bằng chữ Nôm như tên đất, tên người, tên làng xóm... Đôi khi lại là những văn bản thuần Nôm như *Diễn trường xã khoán ước*, *Đông Mai xã điều ước*⁽⁵⁾ Tại các nơi công cộng như đình chùa, miếu mạo thì bên cạnh việc sử dụng chữ Hán để khắc hoành phi, câu đối hoặc đề tạc bia công đức người ta còn dùng cả chữ Nôm⁽⁶⁾. Hiện nay ở thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm còn lưu giữ được khoảng 1.205 thác bản văn khắc có chữ Nôm trên tổng số 20.986 bản⁽⁷⁾. Chữ Nôm cũng được đề trên những đồ gốm sứ, những bức tranh dân gian như một hình thức trang trí, có khi là một câu thơ hoặc một bài thơ thể hiện cảnh sinh hoạt vui tươi, lành mạnh của những người lao động, như trong bức tranh *Hứng dừa*:

Khen ai khéo tạc nên dừa,

Đáy trèo, đáy hứng cho vừa lòng nhau.

Không chỉ đơn thuần làm công cụ ghi chép, sử cũ còn cho biết có những triều đại như nhà Hồ, nhà Tây Sơn đã dùng chữ Nôm cả trong lĩnh vực hành chính, giáo dục. Tờ chiếu viết bằng chữ Nôm mang bút tích của vua Quang Trung gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp là một bằng

chúng nhà vua đã dùng chữ Nôm thay cho chữ Hán. Ngoài ra, còn có những văn kiện hành chính khác như bài biểu của Lê Quý Đôn, bài *Binh dân luận* của Ngô Thì Sĩ khoảng cuối thời Lê Trịnh...

Thứ hai, chữ Nôm được dùng để phiên dịch, giải nghĩa và diễn ca kinh truyện. Về những tác phẩm dịch, đáng kể có tập truyện chữ Hán *Truyện kỳ mạn lục* (thế kỷ XVI) của Nguyễn Dữ đã được Nguyễn Thế Nghi thời Mạc dịch ra văn Nôm. Có lẽ đây là một dịch phẩm văn xuôi cổ nhất còn lại. Một số sách kinh điển của Nho giáo, Phật giáo cũng được chuyển dịch sang chữ Nôm như *Thi Kinh giải âm* (thế kỷ XVIII) dịch nghĩa toàn bộ hơn 300 bài thơ trong *Kinh Thi* sang chữ Nôm theo lối trực dịch. Bản in cổ nhất hiện còn mang niên đại Quang Trung 5 (1792). Hoặc như phần dịch chữ Nôm trong tác phẩm *Cổ Châu Phật bản hạnh ngữ lục* (cũng ở thế kỷ XVI) mà bản khắc còn lưu giữ tại nhà chùa. *Luận ngữ thích nghĩa ca* đã diễn ca bằng thể lục bát 20 thiên sách *Luận ngữ*. Ngoài ra, còn có những sách công cụ trong đó chữ Nôm được dùng để giải nghĩa các từ ngữ chữ Hán được soạn ra theo các thể văn vần như *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa*, một công trình ngôn ngữ học quý giá thể hiện sự phát triển của ngữ văn học tiếng Việt vào khoảng thế kỷ XVI, *Tam thiên tự giải âm* tương truyền của Ngô Thì Nhậm, *Tự học giải nghĩa ca* của vua Tự Đức... Sự hiện diện của các công trình này chắc chắn đã có ảnh hưởng đối với công việc sáng tác và rèn giũa ngôn ngữ văn học chữ Nôm, làm cho nó ngày càng trở nên phong phú và chuẩn xác.

Thứ ba, chữ Nôm được dùng để sưu tập và chỉnh lý văn học dân gian. Cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, người Việt Nam trước khi có chữ viết đã có một kho tàng văn học truyền miệng rất phong phú còn gọi là văn học dân gian. Đó là những câu truyện kể (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện tiểu lâm), những bài dân ca, những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố, hò vè được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đây là một bộ phận văn học mang đậm tính nhân dân và chủ yếu do nhân dân lao động sáng tác. Nội dung văn học dân gian thường phản ánh các hình thức đấu tranh xã hội, đấu tranh chống thiên nhiên, những kinh nghiệm sản xuất, phản ánh tâm tư tình cảm của con người... Cùng với thời gian, nó không ngừng được các thế hệ nâng niu gìn giữ và góp phần xây đắp. Để góp phần ghi chép, chỉnh lý kho tàng văn học truyền thống bằng tiếng Việt này có thể kể đến những bộ sưu tập văn học dân gian được thực hiện bằng chữ Nôm như: *Lý hạng ca dao*, *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục*, *Nam ca tân truyện*, *Quốc âm ca dao tập*, *Quốc phong thi tập hợp thái*...

Thứ tư, vai trò chủ yếu của chữ Nôm được thể hiện trong sáng tác văn học. Sự xuất hiện của chữ Nôm đã mở đường cho văn học dân tộc ra đời và phát triển. Theo sử sách thì việc sử dụng chữ Nôm để làm thơ phú ít ra đã có từ Hán Thuyên thời Trần (thế kỷ XIII), ông là người đầu tiên áp dụng thể thơ Đường luật để làm thơ quốc âm. Sau ông là Nguyễn Sĩ Cố cũng “có tài làm thơ quốc âm”. Nhà thơ, nhà giáo nổi tiếng Chu An có *Quốc ngữ thi tập*... Số lượng tuy không nhiều nhưng cũng đã đặt cơ sở cho việc sáng tác văn học bằng chữ Nôm ở các thế kỷ sau. Sang thế kỷ XV, XVI, với *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380 – 1442), *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông và các tác gia thời Hồng Đức (1470 – 1497), *Bach vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) văn học Nôm đã khẳng định được vị trí của nó trong đời sống văn học dân tộc. Đây là những tập thơ có niên đại sớm nhất mà ta được biết. Những tác phẩm này đều là thơ Nôm Đường luật, đôi khi xen vào những câu lục ngôn. Cho đến nửa cuối thế kỷ XVII, nửa đầu thế kỷ XVIII, thể thơ này còn nở rộ bởi thi phẩm của các chúa Trịnh và các tác gia Đàng trong như Nguyễn Cư Trinh, Mạc Thiên Tích. Đáng kể là tập *Thiên hoà doanh bách vịnh* của Trịnh Căn gồm khoảng 100 bài thơ Nôm, *Cần nguyên ngữ chế thi tập* của Trịnh Doanh có đến 268 bài cũng đều làm bằng thơ Nôm Đường luật xen lục ngôn. Việc sáng tác theo

thể loại vốn bắt nguồn từ văn học nước ngoài này quả đã thu được những thành tựu rất đáng kể. Các nhà thơ Nôm lại có sáng kiến liên kết các bài thơ Đường luật lại để viết về một câu chuyện tự sự. Kết quả là sự ra đời của những truyện thơ Nôm Đường luật như *Bạch Viên Tôn Các*, *Vương Tường*, *Tô công phụng sứ*, *Tam quốc thi*... mà hiện nay còn chưa rõ tác giả. Tuy nhiên, thể thơ Đường luật với tính chất trữ tình và khuôn khổ ngắn hẹp không thích hợp với tính liên tục của thể loại tự sự cho nên về sau loại truyện thơ Nôm Đường luật cũng dần dần vắng vẻ⁽⁸⁾. Thay vào đó, thể lục bát với cách gieo vần, ngắt nhịp giản dị mà biến hoá linh hoạt, với số câu không hạn định đã tỏ ra thích hợp hơn đối với việc viết truyện Nôm và diễn ca lịch sử. Truyện *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào (? - 1713) có thể được coi là truyện thơ Nôm lục bát cổ nhất, được sáng tác trong những năm tác giả làm trấn thủ Quảng Bình (1704-1713). Ngoài ra, còn có thể kể đến hàng loạt truyện thơ Nôm khuyết danh như *Phạm Công Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Tổng Trân Cúc Hoa*, *Hoàng Trừu*, *Phù dung tân truyện*, *Thạch Sanh*, *Phan Trần*, *Nhị độ mai*... Nội dung các truyện này thường tố cáo bộ mặt thối nát của chế độ phong kiến, bênh vực tự do hôn nhân, đề cao những phẩm chất tốt đẹp của con người nên nó thường mang một giá trị nhân đạo sâu sắc. Những tập diễn ca lịch sử còn lại đến nay gồm có *Việt sử diễn âm* (thế kỷ XVI), *Thiên Nam minh giám* (thế kỷ XVII), *Thiên Nam ngữ lục* (nửa cuối thế kỷ XVII), *Đại Nam quốc sử diễn ca* (thế kỷ XIX). Những tác phẩm đó đã thể hiện chủ nghĩa yêu nước, niềm tự hào về lịch sử vinh quang và những phẩm chất cao quý của dân tộc. Thể song thất lục bát với đặc điểm nhịp điệu bằng trắc không bị gò bó chặt chẽ, với khổ thơ bốn câu có tính chất chu kỳ, với dung lượng dài ngắn không hạn định, cũng có thể dùng để tự sự (như trong *Thiên Nam minh giám*) nhưng chủ yếu là thích hợp với phương thức trữ tình nên nó thường được sử dụng để viết các khúc ngâm⁽⁹⁾. Về ngâm khúc đáng chú ý là *Chinh phụ ngâm* do Đoàn Thị Điểm (có người cho là Phan Huy Ích) dịch theo nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn và *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều. Có thể nói thành tựu của văn học Nôm trước hết là thành tựu của văn vần mà nổi bật nhất là thơ ca trường thiên viết bằng các thể lục bát và song thất lục bát. Chính với hai thể thơ này mà văn học Việt Nam đã đạt tới những đỉnh cao mà thế giới biết đến như *Chinh phụ ngâm* và nhất là *Đoạn trường tân thanh* của thi hào Nguyễn Du (1766 – 1820). Về thơ ca chữ Nôm, còn có thể kể đến nhiều tên tuổi khác nữa như: Nguyễn Huy Tự, Bà Huyện Thanh Quan, Phạm Thái, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương⁽¹⁰⁾... Một thể loại khác cũng rất được các nghệ sĩ, thi nhân ưa chuộng, đó là hát nói. Thơ hát nói hầu hết được sáng tác bằng chữ Nôm mà theo thống kê sơ bộ hiện nay còn có hàng ngàn bài⁽¹¹⁾. Về biên văn Nôm phát triển mạnh ở thể phú, trước hết phải kể đến các bài ca phú nổi tiếng bằng chữ Nôm từ thời Trần là *Cư trần lạc đạo phú*, *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, *Vịnh Hoa Yên tự phú* chép trong sách *Thiền tông bản hạnh* được khắc in năm Cảnh Hưng 6 (1745). Thời Lê có *Phụng thành xuân sắc phú* của Nguyễn Giản Thanh. Đây có lẽ là bài phú khoa cử đầu tiên được làm bằng chữ Nôm. Thời Mạc có *Cung trung bảo huấn phú* của Bùi Vịnh, *Tịch cư ninh thể phú*, *Đại Đông phong cảnh phú* của Nguyễn Hàng. Thời Lê-Trịnh có *Ngã Ba Hạc phú* của Nguyễn Bá Lân, *Trương Lưu hầu phú* của Nguyễn Hữu Chính, *Tung Tây hồ phú* của Nguyễn Huy Lượng. Thời Nguyễn có *Hàn nho phong vị phú* của Nguyễn Công Trứ, *Tài tử đa cùng phú* của Cao Bá Quát. Những áng văn tế Nôm thường được nhắc đến là *Văn tế thập loại chúng sinh* của Lê Thánh Tông, *Văn tế Trương Quỳnh Như* của Phạm Thái, *Văn tế chi* của Nguyễn Hữu Chính, *Văn tế vua Quang Trung* của Ngọc Hân công chúa... Đó là chưa kể ở Đàng trong còn có những vở tuồng như Sơn Hậu, Tam nữ đồ vương cũng thường viết bằng lối văn biên ngẫu xen lẫn những bài ca khúc bằng Hán văn. Như vậy, việc sáng tác bằng chữ Nôm đã trở thành một hiện tượng phổ biến suốt từ Bắc vào Nam.

Sự ra đời của chữ Nôm đã có những đóng góp tích cực vào việc nâng cao địa vị của tiếng Việt, thúc đẩy sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam thời trung đại. Phải nói rằng trong điều kiện chữ Hán đang được trọng dụng, được xem là quốc tự thì việc người Việt Nam có ý thức tự đặt cho riêng mình một thứ chữ để ghi tiếng nói dân tộc, để phục vụ các yêu cầu của dân tộc quả đã mang một ý nghĩa lịch sử trọng đại. Đặc biệt, nó có một tác dụng rất lớn đối với việc sáng tác và truyền bá những tác phẩm bằng ngôn ngữ dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân. Với những thành tựu đã đạt được, chữ Nôm và văn học viết bằng chữ Nôm thật xứng đáng là tài sản vô giá trong kho tàng văn hiến cổ điển của nước nhà.

Chú thích:

1. Nguyễn Tài Cẩn: *Một số vấn đề về chữ Nôm*. Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội 1985, tr12.
2. Trương Đức Quả: *Tình hình nghiên cứu chữ Nôm những năm qua*. Tạp chí Hán Nôm 4- 1993, tr 28.
3. Đào Duy Anh: *Chữ Nôm – Nguồn gốc cấu tạo diễn biến*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1975.
4. Đào Duy Anh. sđd, tr 18.
5. *Di sản Hán Nôm Việt Nam (thư mục đề yếu)*, tập 1. Trần Nghĩa – Frof – francoi Gros chủ biên. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993, tr 423 và tr 630.
- 6.10 Nguyễn Quang Hồng: *Chữ Hán và chữ Nôm với văn hiến cổ điển Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống 5 – 1999, tr 2.
7. Trịnh Khắc Mạnh – Trương Đức Quả: *Những thác bản văn khắc chữ Nôm ở thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm*. Tạp chí Hán Nôm 2 – 1994, tr 16.
8. Bùi Duy Tân: *Khảo và luận một số tác gia – tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, tập 1. Nxb Giáo Dục, tr 427.
9. Đinh Gia Khánh – Bùi Duy Tân – Mai Cao Chương: *Lịch sử văn học Việt Nam (thế kỷ X – Nửa đầu XVIII)*. Nxb Giáo Dục 1977, tr 108.
11. Nguyễn Xuân Diện: *Tư liệu Hán Nôm về ca trù – Trữ lượng và giá trị*. Tạp chí Hán Nôm 1 – 1999, tr 23.